TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 169/2021/HSST
Ngày: 30/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A– THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Duy May– Bí thư Đoàn thanh niên xã Kim N.
Ông Phạm Mạnh Hà – Bác sỹ bệnh viện đa khoa Đông A.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Ngô Thị Thu Hà– Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 157/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phàng A P.** Tên gọi khác: Phàng A T. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 16/11/2004 tại Yên Bái (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 16 tuổi 04 tháng 05 ngày). Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Kháo C, xã Bản C, huyện Trạm T, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 8/12. Họ tên bố: Phàng A M (đã chết). Họ tên mẹ: Hảng Thị D. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 25/6/2021 đến ngày 28/6/2021, tạm giam từ ngày 28/6/2021 đến nay tại Trại tạm số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Danh, chỉ bản số 392 ngày 25/6/2021 của Công an huyện Đông A, Hà Nội. Có mặt.

2. Họ và tên: **Hảng A T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 14/02/2003 tại Yên Bái. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Kháo C, xã Bản C, huyện Trạm T, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 11/12. Họ tên bố: Hảng A N. Họ tên mẹ: Giàng Thị V. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 26/6/2021 đến ngày 29/6/2021, tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến nay tại Trại tạm số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Danh, chỉ bản số 399 ngày 26/6/2021 của công an huyện Đông A, Hà Nội. Có mặt.

3. Họ và tên: **Giàng A S.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 18/5/2001 tại Yên Bái. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Kháo C, xã Bản C, huyện Trạm T, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Mông. Tôn giáo:

Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 8/12. Họ tên bố: Giàng A P. Họ tên mẹ: Chớ Thị D. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 26/6/2021 đến ngày 29/6/2021, tạm giam từ ngày 29/6/2021 đến nay tại Trại tạm số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Danh, chỉ bản số 400 ngày 26/6/2021 của công an huyện Đông A, Hà Nội. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Giàng A P*: Ông Lê Duy T, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã Vĩnh N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo*: Bà Đỗ Thị H, Luật sư -Trợ giúp viên pháp lý, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1966. Hộ khẩu thường trú: Số nhà M, Tổ N, phường Định C, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Bãi N thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đông A, Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hảng A N, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Kháo C, xã Bản C, huyện Trạm T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (Ông N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng nửa cuối năm 2020, Phàng A P, Giàng A S và Hảng A T đến làm thuê cho bà Nguyễn Phương T (Sinh năm 1966) tại trang trại của bà T ở thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đông A, Hà Nội. Đến khoảng đầu tháng 02/2021 thì cả ba đều nghỉ để về quê ăn Tết. Do bà T chưa thanh toán hết tiền công nên ngày 20/3/2021 cả ba cùng rủ nhau xuống nhà bà T để đòi tiền và xin ở nhờ trong thời gian chờ đi xin công việc khác. Bà T đồng ý và tạm ứng trước cho mỗi người 500.000 đồng.

Đến chiều ngày 21/3/2021, P có nói chuyện với S và T về việc thấy bà T để tiền trong két sắt và không có khóa, két ở ngay cạnh cửa trong nhà công ten nơ của bà T. Cả ba cùng thống nhất, đến tối khi ăn cơm sẽ đòi tiền công mà bà T nợ, nếu bà T không trả thì sẽ trộm cắp số tiền trong két sắt. Trong bữa ăn tối, cả ba cùng hỏi về số tiền công mà bà T nợ chưa trả nhưng bà T không nói gì. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi bà T ăn cơm xong thì quay về lán cách vị trí nhà công ten nơ khoảng 15m để ngủ. Một lúc sau, P, T và S đi đến nhà công ten nơ để trộm cắp tài sản của bà T. P và T bảo S ra ngoài cảnh giới rồi đi vào sát vị trí cửa công ten nơ. P dùng tay trái thò qua lỗ thủng cửa có kích thước khoảng (10x10) cm sờ vào két nhưng không mở được cửa két nên bảo T vào lấy. T đưa tay qua lỗ thủng cũng không lấy được tiền. T lấy chiếc kìm điện trong túi đồ treo ở bên cạnh thành công ten nơ rồi dùng kìm thò vào bên trong két sắt kẹp được 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Sau đó, T dùng đèn điện thoại soi vào trong két thì thấy vẫn còn tệp tiền 500.000 đồng. T thấy S tay dài hơn nên bảo S đi vào lấy tiền còn P ra cảnh giới. S đi vào rồi cầm kìm ở tay trái đưa qua lỗ thủng kẹp quyển sổ nhỏ có tệp tiền 500.000 đồng trong két sắt ra bên ngoài đưa cho T, còn quyển sổ thả lại vào trong két sắt, đóng cánh cửa két và cất kìm vào vị trí cũ. Sau đó, T và P mang toàn bộ số tiền trộm cắp được về giấu vào gốc chuối phía sau lán rồi cả ba cùng đi vào lán ngủ. Đến khoảng 00 giờ ngày 22/3/2021, P cùng T ra lấy tiền mang vào lán để kiểm đếm và chia. Tại đây, T cầm tiền và chia lần lượt xoay vòng làm 3

phần đến hết, mỗi đối tượng lấy một phần kiểm đếm thì P và S mỗi người được 9.000.000 đồng, còn T được 8.000.000 đồng. Sau đó, cả ba cất giấu tiền vào túi đồ cá nhân rồi tiếp tục đi ngủ. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 22/3/2021, P, S và T cùng thu dọn đồ để bỏ về quê. Trên đường đi ra khỏi vườn chuối thì gặp bà T đang làm vườn, S đến hỏi xin tiền về quê thì bà T đưa cho S 160.000 đồng. Sau đó P, T, S đi bộ ra khu vực thôn Ngọc C, xã Vĩnh N, huyện Đông A bắt xe về Yên Bái.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, sau khi làm vườn xong bà T về nhà công ten nơ kiểm tra thì phát hiện bị trộm cắp tài sản. Bà T gọi điện thoại cho S hỏi thì S thừa nhận là cả bọn đã trộm cắp tiền và bảo bà T cộng lại số công nợ rồi trừ vào số tiền bị mất còn lại dư bao nhiêu thì S, P và T sẽ chuyển qua tài khoản ngân hàng trả lại bà T, bà T đồng ý. Nhưng sau đó, do số tài khoản mà bà T báo cho S bị nhầm nên S cùng đồng bọn không chuyển trả lại tiền cho bà T được.

Đến ngày 24/3/2021, do không nhận được tiền trả lại và cũng không liên lạc được với S, P và T nên bà T đến Cơ quan công an trình báo sự việc và khai nhận số tiền bị các đối tượng chiếm đoạt là 48.500.000 đồng.

Quá trình điều tra các đối tượng không chấp hành giấy triệu tập của Cơ quan điều tra và bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 23/6/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông A ra Quyết định truy nã bị can đối với P, S và T.

Đến ngày 25/6/2021 và ngày 26/6/2021 các đối tượng đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Vật chứng tạm giữ: Của Giàng A S số tiền 3.000.000 đồng; của Hảng A T số tiền 1.060.000 đồng; của Phàng A P số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 04/7/2021, ông Hảng A N (Sinh năm 1982, là bố của T) tự nguyện giao nộp số tiền 6.940.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả thay cho T.

Tại Cơ quan điều tra, Phàng A P, Hảng A T và Giàng A S khai nhận số tiền chiếm đoạt được của bà T là 26.000.000 đồng. Sau đó cả ba người tiêu sài cá nhân hết một phần, phần còn lại tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra như nêu trên.

Về việc bà Nguyễn Phương T khai bị P, T và S đã chiếm đoạt số tiền 48.500.000 đồng, kết quả điều tra xác định: Ngoài lời khai của bà T về việc để số tiền này vào trong két thì không còn tài liệu nào khác chứng minh nên chỉ có cơ sở để xác định các bị cáo đã trộm cắp số tiền 26.000.000 đồng của bà T.

Về số tiền 10.060.000 đồng tạm giữ của các bị cáo để bồi thường cho bà T, ngày 03/5/2021 Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại số tiền trên cho bà T.

Về dân sự: Bà Nguyễn Phương T không yêu cầu Phàng A P phải bồi thường ; yêu cầu Giàng A S phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; Hảng A T phải bồi thường số tiền 12.000.000đồng.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận đã trộm cắp số tiền 26.000.000 đồng của T vào tối ngày 21/3/2021 tại nơi ở của bà T ở thông Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đông A, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Phương T khai: Tổng số tiền bà bị mất là 48.500.000 đồng, nhưng bà không có tài liệu gì chứng minh về số tiền này. Bà tự nguyện nhất trí như lời khai của các bị cáo về số tiền các bị cáo được chia khi trộm cắp được của

bà. Do bà chưa thanh toán tiền lương 02 tháng cho Phàng A P nên bà tự nguyện không yêu cầu P phải bồi thường cho bà. Bà yêu cầu T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 8.000.000 đồng, S phải bồi thường 9.000.000 đồng, trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường một phần. Bà T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm:

+ Các bị cáo khai bà T còn nợ tiền lương của các bị cáo nên các bị cáo mới trộm cắp tiền của bị hại. Do vậy, đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vấn đề bà T với các bị cáo có ký hợp đồng lao động, còn nợ tiền lương của các bị cáo hay không.

+ Nếu tại phiên tòa các bên thỏa thuận được với nhau về phần dân sự thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại cáo trạng số 155/VKS-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội đã truy tố Phàng A P, Hảng A T và Giàng A S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phàng A P với mức án từ 03 tháng 08 ngày đến 05 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Hảng A T với mức án từ 03 tháng 07 ngày đến 06 tháng tù.

+ Giàng A S với mức án từ 03 tháng 07 ngày đến 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu P phải bồi thường. Buộc T và S phải bồi thường cho bà T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đông A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}Về nội dung vụ án: Tại phiên toà các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: Vào khoảng 20 giờ ngày 21/3/2021, tại thôn Ngọc G, xã Vĩnh N, huyện Đông A, Hà Nội, các bị cáo Phàng A P, Hảng A T và Giàng A S đã có

hành vi lén lút trộm cắp số tiền 26.000.000 đồng của bà Nguyễn Phương T. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phàng A P, Hảng A T và Giàng A S phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện Đông A. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội.

Vụ án có đồng phạm nhưng không có tổ chức vì không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo nhất thời phạm tội, có vai trò ngang nhau.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung về các vấn đề liên quan đến hợp đồng lao động giữa bị cáo với bị hại và việc thanh toán tiền lương hay chưa thì thấy: Nếu các bên liên quan có tranh chấp về quan hệ lao động thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Vì vậy, quan điểm này của luật sư không được chấp nhận.

{2.1} Về nhân thân và tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng.

{2.2}Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phàng A P thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới 16 tuổi 04 tháng 05 ngày, là người chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, lẽ ra hình phạt áp dụng đối với bị cáo Phàng A P thấp hơn các bị cáo khác, nhưng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù bằng thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, chính vì vậy mức án của các bị cáo bằng nhau.

{3} Về phần bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Phương T tự nguyện nhất trí như lời khai của các bị cáo về số tiền các bị cáo trộm cắp của bà là 26.000.000 đồng. Bà tự nguyện không yêu cầu P phải bồi thường cho bà, nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

Cần buộc Giàng A S phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 9.000.000 đồng (Bị cáo đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn thiếu 6.000.000 đồng).

Cần buộc Hảng A T phải bồi thường cho bà T số tiền 8.000.000 đồng (Bị cáo đã bồi thường 1.060.000 đồng; còn thiếu 6.940.000 đồng và gia đình Bị cáo đã nộp số tiền này đang được lưu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A).

{4} Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung vào ngân sách Nhà nước.

{5} Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Phàng A P, Hảng A T, Giàng A S** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Phàng A P** 03 (Ba) tháng 06 (Sáu) ngày tù, bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

Xác nhận **Phàng A P** đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ **Hảng A T** 03 (Ba) tháng 05 (Năm) ngày tù, bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

Xác nhận **Hảng A T** đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ **Giàng A S** 03 (Ba) tháng 05 (Năm) ngày tù, bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

Xác nhận **Giàng A S** đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho **Phàng A P, Hảng A T, Giàng A S** nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

+ Buộc Giàng A S phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thu T được nhận số tiền 6.940.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng tại Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 09/8/2021 (Nộp vào tài khoản số: 3949.0.1047882 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A) tại kho bạc Nhà nước Đông A.

+ Giàng A S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Phàng A P, Hảng A T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, Giàng A S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần tài sản có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Vân

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông A.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Công an huyện Đông A.*
- *Lưu hồ sơ.*